

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2021

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH
**Quy định quan hệ phối hợp trong việc thực hiện trình tự,
thủ tục hoãn, miễn chấp hành án phạt tù**

Căn cứ Luật Thi hành án hình sự ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Bộ luật Tố tụng hình sự ngày 27 tháng 11 năm 2015;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật
ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân
tối cao, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng liên tịch quy định
quan hệ phối hợp trong việc thực hiện trình tự, thủ tục hoãn, miễn chấp hành án
phạt tù.*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư liên tịch này quy định quan hệ phối hợp trong thực hiện một số quy định của Luật Thi hành án hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự về trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, đề nghị, quyết định và thi hành quyết định hoãn, miễn chấp hành án phạt tù cho người bị kết án phạt tù đang tại ngoại, người bị kết án phạt tù chưa chấp hành án phạt tù, đang tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù (sau đây gọi chung là người bị kết án phạt tù).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư liên tịch này áp dụng đối với Tòa án, Viện kiểm sát, cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an, cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Quốc phòng, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu, trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, người bị kết án phạt tù và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến thực hiện hoãn, miễn chấp hành án phạt tù.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp trong việc thực hiện hoãn, miễn chấp hành án phạt tù

1. Tuân thủ quy định của pháp luật về hình sự, tố tụng hình sự và thi hành án hình sự.

2. Bảo đảm nhân đạo xã hội chủ nghĩa.
3. Bảo đảm tính công khai, minh bạch và công bằng.
4. Tôn trọng và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kết án phạt tù.

Điều 4. Mẫu các văn bản ban hành kèm theo Thông tư liên tịch

1. Đơn xin hoãn, miễn chấp hành án phạt tù (Mẫu số 01).
2. Quyết định hoãn chấp hành án phạt tù (Mẫu số 02).
3. Quyết định hủy Quyết định hoãn chấp hành án phạt tù (Mẫu số 03).
4. Quyết định hủy Quyết định hoãn chấp hành án phạt tù và áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh (Mẫu số 04).
5. Quyết định mở phiên họp xem xét miễn chấp hành án phạt tù (Mẫu số 05).
6. Quyết định về việc xét miễn chấp hành án phạt tù (Mẫu số 06).

Chương II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, HỒ SƠ XÉT, ĐỀ NGHỊ, QUYẾT ĐỊNH VÀ THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH HOÃN CHẤP HÀNH ÁN PHẠT TÙ

Điều 5. Thủ tục đề nghị hoãn chấp hành án phạt tù

1. Cá nhân, cơ quan sau đây có quyền làm đơn, văn bản đề nghị hoãn chấp hành án phạt tù:

a) Người bị kết án phạt tù. Trường hợp người bị kết án phạt tù không thể tự mình làm đơn đề nghị thì người thân thích của người bị kết án có thể đề nghị thay;

b) Viện kiểm sát cùng cấp;

c) Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người chấp hành án phạt tù cư trú;

d) Cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu nơi người chấp hành án phạt tù làm việc hoặc cư trú.

2. Đơn, văn bản đề nghị hoãn chấp hành án phạt tù phải được gửi cho Tòa án đã ra quyết định thi hành án trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được quyết định thi hành án, trừ trường hợp sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và có các nội dung sau:

a) Ngày, tháng, năm làm đơn, văn bản;

b) Tên Tòa án nhận đơn, văn bản;

c) Họ tên, năm sinh, nơi cư trú, làm việc của người chấp hành án phạt tù tại ngoại;

d) Số, ngày, tháng, năm của bản án, tội danh, quyết định hình phạt trong bản án có hiệu lực pháp luật; số, quyết định thi hành án phạt tù;

đ) Lý do đề nghị hoãn chấp hành án phạt tù;

e) Danh mục tài liệu kèm theo đơn, văn bản đề nghị;

g) Trường hợp người bị kết án phạt tù hoặc người thân thích của họ làm đơn yêu cầu thì cuối đơn phải ký tên hoặc điểm chỉ, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người bị kết án cư trú; trường hợp cơ quan đề nghị thì cuối văn bản phải do người đại diện hợp pháp của cơ quan ký tên và đóng dấu của cơ quan đó.

3. Đơn, văn bản đề nghị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến Tòa án đã ra quyết định thi hành án phạt tù bằng các phương thức sau đây:

a) Nộp trực tiếp tại Tòa án;

b) Gửi đến Tòa án theo đường dịch vụ bưu chính;

c) Gửi trực tuyến bằng hình thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tòa án (nếu có).

4. Ngày nhận được đơn hoặc văn bản đề nghị là ngày cơ quan, cá nhân nộp tại Tòa án hoặc ngày Tòa án nhận được do tổ chức dịch vụ bưu chính chuyển đến. Trường hợp cơ quan, cá nhân gửi đơn hoặc văn bản đề nghị qua Cổng thông tin điện tử của Tòa án thì ngày nhận được đơn hoặc văn bản là ngày Cổng thông tin điện tử của Tòa án xác nhận đã nhận được đơn, văn bản do cơ quan, cá nhân gửi đến.

Điều 6. Hồ sơ đề nghị hoãn chấp hành án phạt tù

1. Hồ sơ đề nghị hoãn chấp hành án phạt tù bao gồm các tài liệu sau:

a) Đơn đề nghị hoãn chấp hành án phạt tù hoặc văn bản đề nghị hoãn chấp hành án phạt tù;

b) Bản sao bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án hoặc bản sao trích lục bản án;

c) Bản sao quyết định thi hành án phạt tù;

d) Đối với người bị kết án phạt tù bị bệnh nặng tới mức không thể chấp hành án phạt tù và nếu phải chấp hành án phạt tù sẽ nguy hiểm đến tính mạng của họ phải có kết luận của Hội đồng giám định y khoa hoặc bản sao bệnh án, kết luận của bệnh viện cấp tỉnh hoặc cấp quân khu trở lên hoặc có kết luận của tổ chức pháp y công lập về tình trạng bệnh tật của người bị kết án phạt tù. Người bị bệnh nặng là người mắc một trong các bệnh hiểm nghèo như: Ung thư giai đoạn cuối, lao nặng kháng thuốc, xơ gan cổ chướng, suy tim độ III trở lên, suy thận độ IV trở lên hoặc mắc bệnh khác dẫn đến không có khả năng tự phục vụ bản thân, tiên lượng xấu, nguy cơ tử vong cao;

đ) Đối với người bị kết án phạt tù bị nhiễm HIV đã chuyển giai đoạn lâm sàng IV thì phải có kết quả xét nghiệm bị nhiễm HIV theo quy định của Bộ Y tế và bản sao bệnh án hoặc kết luận của cơ quan y tế có thẩm quyền khẳng định đã

chuyển giai đoạn lâm sàng IV, đang có nhiễm trùng cơ hội và tiên lượng xấu, nguy cơ tử vong cao;

e) Đối với người bị kết án phạt tù là phụ nữ có thai phải có kết luận của bệnh viện cấp huyện hoặc tương đương trở lên về việc người bị kết án có thai;

g) Đối với người bị kết án phạt tù là phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi phải có bản sao giấy khai sinh hoặc giấy chứng sinh của con dưới 36 tháng tuổi và có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người bị kết án phạt tù đang cư trú về việc họ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi;

h) Đối với người bị kết án phạt tù được đề nghị hoãn chấp hành án phạt tù vì lý do là lao động duy nhất trong gia đình, nếu phải chấp hành án phạt tù thì gia đình sẽ gặp khó khăn đặc biệt thì phải có bản tường trình ghi rõ hoàn cảnh khó khăn, công việc, mức thu nhập, nơi làm việc và có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi họ cư trú;

i) Đối với người bị kết án phạt tù được đề nghị hoãn chấp hành án do nhu cầu công vụ thì phải có văn bản hoặc quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc trưng dụng người bị kết án phạt tù cần phải thực hiện nhiệm vụ, công vụ cụ thể;

k) Bản sao Chứng minh thư nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân, hộ chiếu;

l) Các tài liệu khác liên quan (nếu có).

2. Hồ sơ đề nghị hoãn chấp hành án phạt tù phải được đánh số bút lục và lưu giữ trong Hồ sơ thi hành án của người được hoãn chấp hành án phạt tù do Tòa án quản lý.

3. Trường hợp Viện kiểm sát yêu cầu Tòa án cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoãn chấp hành án phạt tù để thực hiện chức năng kiểm sát thì Tòa án sao gửi theo yêu cầu của Viện kiểm sát, trừ trường hợp hoãn chấp hành án phạt tù theo đề nghị của Viện kiểm sát.

Điều 7. Thủ tục xem xét hoãn chấp hành án phạt tù

1. Ngay sau khi nhận được đơn, văn bản, tài liệu, hồ sơ đề nghị xem xét hoãn chấp hành án phạt tù thì Tòa án thông báo bằng văn bản về việc đang xem xét quyết định hoãn chấp hành án phạt tù cho Viện kiểm sát cùng cấp để thực hiện chức năng kiểm sát (nếu Viện kiểm sát không có văn bản đề nghị hoãn chấp hành án phạt tù); cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu để ngừng việc làm thủ tục đưa người chấp hành án phạt tù đi chấp hành án và không thực hiện áp giải thi hành án.

2. Chánh án Tòa án tổ chức xem xét, thẩm tra đơn, văn bản đề nghị, tài liệu kèm theo và giải quyết như sau:

a) Trường hợp đơn, văn bản đề nghị và tài liệu kèm theo đã đầy đủ theo quy định tại Điều 6 của Thông tư liên tịch này thì xem xét hoãn chấp hành án phạt tù;

b) Trường hợp đơn, văn bản đề nghị và tài liệu chưa đầy đủ theo quy định tại Điều 6 của Thông tư liên tịch này thì thông báo bổ sung đơn, văn bản đề nghị và các tài liệu kèm theo. Trường hợp này, thời hạn Chánh án phải xem xét quyết định hoãn chấp hành án phạt tù quy định tại khoản 2 Điều 24 của Luật Thi hành án hình sự được tính kể từ ngày nhận được bổ sung đơn, văn bản, tài liệu kèm theo;

c) Trường hợp hồ sơ đề nghị hoãn chấp hành án phạt tù đã đầy đủ nhưng nếu thấy còn nội dung vướng mắc, chưa rõ thì Chánh án Tòa án phối hợp với Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp để trao đổi, thống nhất trước khi ban hành quyết định.

3. Sau khi xem xét hồ sơ đề nghị hoãn chấp hành án phạt tù, Chánh án Tòa án giải quyết như sau:

a) Trường hợp không đủ căn cứ hoãn chấp hành án phạt tù thì không ra quyết định hoãn và có văn bản trả lời trong đó nêu rõ lý do. Văn bản này có thể bị khiếu nại hoặc kiến nghị theo quy định của Luật Thi hành án hình sự và phải được gửi theo quy định tại khoản 2 Điều 24 của Luật Thi hành án hình sự;

b) Trường hợp có đủ căn cứ hoãn chấp hành án phạt tù thì ra Quyết định hoãn chấp hành án phạt tù.

4. Quyết định hoãn chấp hành án phạt tù có các nội dung sau:

a) Ngày, tháng, năm ra quyết định;

b) Tòa án ra quyết định;

c) Ghi rõ họ tên, chức vụ người ra quyết định;

d) Số, ngày, tháng, năm của Bản án, quyết định được thi hành;

đ) Số, ngày, tháng, năm của quyết định thi hành án phạt tù;

e) Họ tên, năm sinh, nơi cư trú của người được hoãn chấp hành phạt tù;

g) Lý do được hoãn chấp hành án phạt tù;

h) Tên cơ quan thi hành án hình sự, Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao quản lý người được hoãn chấp hành án phạt tù;

i) Thời hạn hoãn chấp hành án phạt tù và hiệu lực thi hành.

Trường hợp hoãn chấp hành án phạt tù theo quy định tại các điểm b, c, d khoản 1 Điều 67 của Bộ luật Hình sự thì cuối quyết định ghi *“Hết thời hạn hoãn chấp hành án phạt tù thì Quyết định thi hành án số ... của Tòa án ... được thi hành theo quy định của Luật Thi hành án hình sự”*.

Trường hợp hoãn chấp hành án phạt tù theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 67 của Bộ luật Hình sự thì cuối quyết định ghi “*Quyết định thi hành án số ... của Tòa án ... được thi hành kể từ ngày hết thời hạn hoãn chấp hành án phạt tù hoặc ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu nhận được văn bản của bệnh viện cấp tỉnh, bệnh viện cấp quân khu trở lên hoặc kết luận của tổ chức pháp y công lập hoặc kết luận của Hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh trở lên về tình trạng sức khỏe của người được hoãn chấp hành án phạt tù phục hồi*”.

5. Thời hạn hoãn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày ban hành quyết định.

6. Quyết định hoãn chấp hành án phạt tù được thi hành kể từ ngày ban hành và có thể bị kháng nghị. Trình tự, thủ tục giải quyết kháng nghị thực hiện theo quy định tại các chương XXII, XXV và XXVI của Bộ luật Tố tụng hình sự.

7. Quyết định hoãn chấp hành án phạt tù phải được gửi theo quy định tại khoản 3 Điều 24 của Luật Thi hành án hình sự.

Điều 8. Hủy quyết định hoãn chấp hành án phạt tù

1. Tòa án xem xét hủy quyết định hoãn chấp hành án phạt tù trong các trường hợp sau:

a) Người được hoãn chấp hành án phạt tù không cam kết chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật hoặc thực hiện hành vi phạm tội mới, bỏ trốn hoặc vi phạm pháp luật gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

b) Người được hoãn chấp hành án phạt tù có kết quả giám định xác định họ mắc bệnh tâm thần, bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi;

c) Người được hoãn chấp hành án phạt tù có kết quả giám định xác định họ đã hồi phục sức khỏe và đã bị đưa đến nơi chấp hành án phạt tù;

d) Người được hoãn chấp hành án phạt tù có đơn tự nguyện xin chấp hành án phạt tù.

2. Thủ tục xem xét hủy quyết định hoãn chấp hành án phạt tù thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được biên bản và thông báo của cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu về việc người được hoãn chấp hành án phạt tù không cam kết chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật thì Chánh án Tòa án đã ra quyết định hoãn chấp hành án phạt tù xem xét hủy quyết định hoãn chấp hành án phạt tù.

b) Ngay sau khi nhận được báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao quản lý người được hoãn chấp hành án phạt tù về việc người được hoãn chấp hành án phạt tù thực hiện hành vi phạm tội mới, bỏ trốn hoặc vi phạm pháp luật gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội hoặc đơn tự nguyện xin chấp hành án phạt tù của người được hoãn chấp hành án phạt tù thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu có văn bản đề nghị Chánh án Tòa án đã ra quyết định hoãn chấp hành án phạt tù hủy quyết định hoãn chấp hành án phạt tù.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu thi Chánh án Tòa án đã ra quyết định hoãn chấp hành án phạt tù xem xét hủy quyết định hoãn chấp hành án phạt tù.

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo hoặc đề nghị của cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu về việc đã đưa người được hoãn chấp hành án phạt tù đến nơi chấp hành án do người được hoãn chấp hành án phạt tù đã hồi phục sức khỏe hoặc người được hoãn chấp hành án phạt tù mắc bệnh tâm thần, bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi thì Chánh án Tòa án đã ra quyết định hoãn chấp hành án phạt tù xem xét hủy quyết định hoãn chấp hành án phạt tù.

d) Thủ tục xem xét hủy quyết định hoãn chấp hành án phạt tù thực hiện theo quy định tại các khoản 2, 3 và 6 Điều 7 của Thông tư liên tịch này.

đ) Quyết định hủy quyết định hoãn chấp hành án phạt tù có các nội dung sau: Ngày, tháng, năm ra quyết định; Tòa án ra quyết định; ghi rõ họ tên, chức vụ người ra quyết định; số, ngày, tháng, năm của quyết định hoãn chấp hành án phạt tù; họ tên, năm sinh, nơi cư trú của người được hoãn chấp hành án phạt tù; lý do hủy quyết định hoãn chấp hành án phạt tù; cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện hoặc cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu được chỉ định; ghi rõ số, ngày, tháng, năm quyết định thi hành án đã ban hành. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Quyết định hủy quyết định hoãn chấp hành án phạt tù có thể bị kháng nghị theo quy định tại khoản 5 Điều 167 của Luật Thi hành án hình sự và được giải quyết theo quy định tại khoản 4 Điều 169 của Luật Thi hành án hình sự.

Trường hợp hủy quyết định hoãn chấp hành án phạt tù theo quy định điểm b khoản 1 Điều này thì ngoài nội dung hủy quyết định hoãn chấp hành án phạt tù còn phải có nội dung về áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh.

Điều 9. Thi hành quyết định hủy quyết định hoãn chấp hành án phạt tù

Khi nhận được quyết định hủy quyết định hoãn chấp hành án phạt tù của Tòa án, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu tổ chức việc thi hành án theo quy định tại khoản 4 Điều 23 của Luật Thi hành án hình sự.

Chương III

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XÉT, QUYẾT ĐỊNH VÀ THI HÀNH

QUYẾT ĐỊNH MIỄN CHẤP HÀNH ÁN PHẠT TÙ

Điều 10. Nhận và xử lý hồ sơ đề nghị xét miễn chấp hành án phạt tù

1. Ngay sau khi nhận được văn bản và hồ sơ đề nghị miễn chấp hành án phạt tù, Tòa án phải ghi vào sổ nhận hồ sơ.

2. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày vào sổ nhận hồ sơ đề nghị miễn chấp hành án phạt tù, Chánh án Tòa án có thẩm quyền thành lập Hội đồng gồm 03 Thẩm phán xét, quyết định miễn chấp hành án phạt tù và phân công 01

Thẩm phán chủ trì phiên họp.

3. Sau khi được phân công chủ trì phiên họp, Thẩm phán xem xét, giải quyết như sau:

a) Trường hợp hồ sơ đề nghị miễn chấp hành án phạt tù đã đầy đủ thì quyết định mở phiên họp xét miễn chấp hành án phạt tù và thông báo bằng văn bản cho Viện kiểm sát đã đề nghị miễn chấp hành án phạt tù cử Kiểm sát viên tham gia phiên họp;

b) Trường hợp hồ sơ đề nghị miễn chấp hành án phạt tù chưa rõ ràng, đầy đủ thì đề nghị Viện kiểm sát đã đề nghị miễn chấp hành án phạt tù bổ sung tài liệu.

4. Quyết định mở phiên họp phải có các nội dung như sau: ngày, tháng, năm ra quyết định; tên Tòa án ra quyết định; giờ, ngày, tháng, năm, địa điểm mở phiên họp; họ tên, ngày, tháng, năm sinh, nơi sinh, nghề nghiệp, nơi cư trú của người chấp hành án phạt tù; quyết định thi hành án phạt tù; họ tên Thẩm phán, Thư ký phiên họp và họ tên Kiểm sát viên.

Quyết định này phải gửi cho Viện kiểm sát đã đề nghị miễn chấp hành án phạt tù chậm nhất là 05 ngày trước khi mở phiên họp.

Điều 11. Những người tham gia phiên họp xét miễn chấp hành án phạt tù

1. Kiểm sát viên Viện kiểm sát cùng cấp phải tham gia phiên họp; trường hợp Kiểm sát viên vắng mặt thì Tòa án hoãn phiên họp.

2. Trường hợp cần thiết, Tòa án có thể triệu tập người chấp hành án phạt tù hoặc người đại diện hợp pháp của họ, người giám định, người phiên dịch, cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan tham gia phiên họp; nếu có người vắng mặt thì Tòa án quyết định hoãn phiên họp hoặc vẫn tiến hành phiên họp.

Thời hạn hoãn phiên họp không quá 07 ngày, kể từ ngày hoãn.

Điều 12. Thủ tục tiến hành phiên họp xét miễn chấp hành án phạt tù

1. Thư ký phiên họp báo cáo sự có mặt, vắng mặt của những người được Tòa án triệu tập và lý do vắng mặt.

2. Chủ tọa khai mạc phiên họp, giới thiệu thành phần Hội đồng, Kiểm sát viên tham gia phiên họp, Thư ký phiên họp.

3. Đại diện Viện kiểm sát trình bày hồ sơ đề nghị xét miễn chấp hành án phạt tù. Các thành viên của Hội đồng hỏi thêm đại diện Viện kiểm sát về những điểm chưa rõ.

Trường hợp phiên họp có người chấp hành án phạt tù hoặc người đại diện hợp pháp, người giám định, người phiên dịch, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tham gia phiên họp thì Chủ tọa phiên họp điều hành việc hỏi, quyết định người hỏi trước, hỏi sau theo thứ tự hợp lý.

4. Chủ tọa phiên họp điều hành thảo luận.

5. Căn cứ vào hồ sơ đề nghị, ý kiến của Viện kiểm sát; người tham gia phiên họp (nếu có), Hội đồng xét miễn chấp hành án phạt tù xem xét, quyết định như sau:

- a) Không chấp nhận đề nghị miễn chấp hành án phạt tù;
- b) Chấp nhận đề nghị miễn chấp hành án phạt tù.

6. Mọi diễn biến tại phiên họp được ghi vào biên bản và lưu hồ sơ xem xét đề nghị. Biên bản phiên họp phải có chữ ký của chủ tọa phiên họp và Thư ký phiên họp.

Điều 13. Quyết định về việc xét miễn chấp hành án phạt tù

1. Quyết định về việc xét miễn chấp hành án phạt tù có các nội dung sau đây:

- a) Ngày, tháng, năm ra quyết định;
- b) Tên Tòa án ra quyết định;
- c) Họ tên của Thẩm phán, Kiểm sát viên, Thư ký phiên họp;
- d) Họ tên, năm sinh, nơi cư trú của người chấp hành án phạt tù; Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật; Bản án, quyết định khác (nếu có); số, ngày, tháng, năm của quyết định thi hành án phạt tù;
- đ) Những vấn đề cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết;
- e) Nhận định của Tòa án và những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận đề nghị;
- g) Căn cứ pháp luật để giải quyết đề nghị;
- h) Quyết định của Tòa án;
- i) Hiệu lực thi hành.

2. Quyết định về việc xét miễn chấp hành án phạt tù phải được gửi theo quy định tại khoản 3 Điều 39 của Luật Thi hành án hình sự.

3. Quyết định về việc xét miễn chấp hành án phạt tù có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm và có thể bị kháng nghị. Trình tự, thủ tục giải quyết kháng nghị thực hiện theo quy định tại các chương XXII, XXV và XXVI của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Hiệu lực thi hành

Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2021.

Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an và Bộ Quốc phòng trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư liên tịch này.

2. Trong quá trình thực hiện Thông tư liên tịch, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an và Bộ Quốc phòng để có hướng dẫn kịp thời./.

KT. CHÁNH ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
PHÓ CHÁNH ÁN *Công*



Nguyễn Trí Tuệ

KT. VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO
PHÓ VIỆN TRƯỞNG THƯỜNG TRỰC



Nguyễn Huy Tiến

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN
THỨ TRƯỞNG *4*



Thiếu tướng Lê Quốc Hùng

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG
THỨ TRƯỞNG



Thượng tướng Võ Minh Lương

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ủy ban Pháp luật của Quốc hội;
- Ủy ban Tư pháp của Quốc hội;
- Ban Chỉ đạo CCTPTU;
- Ban Nội chính Trung ương;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ (02 bản);
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Công an;
- Bộ Quốc phòng;
- Các TAND và TAQS;
- Các Thẩm phán TANDTC và các đơn vị TANDTC;
- Công thông tin điện tử của các Bộ, ngành: TANDTC, VKSNDTC, BCA, BQP;
- Lưu: VT (TANDTC, VKSNDTC, BCA, BQP).

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN XIN HOÃN/MIỄN ⁽¹⁾
Chấp hành án phạt tù

Kính gửi: Tòa án ... ⁽²⁾

Tên tôi là: ⁽³⁾

Đã bị Tòa ... ⁽⁴⁾ kết án về tội ... tại bản án/quyết định ⁽⁵⁾

Mức hình phạt là: ⁽⁶⁾

Ngày ... tháng ... năm ..., Tòa án ... ⁽⁷⁾ đã ra Quyết định thi hành án phạt tù ⁽⁸⁾

Nay tôi viết đơn này xin hoãn/ miễn chấp hành án phạt tù vì lý do như sau:.....

Tôi cam đoan lý do xin hoãn/ miễn chấp hành án phạt tù là đúng sự thật và tuân thủ chấp hành nghiêm chỉnh các yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Danh mục tài liệu kèm theo đơn đề nghị gồm

Xác nhận của Ủy ban nhân dân có
thẩm quyền nơi người bị kết án phạt tù cư trú

Người viết đơn ⁽⁹⁾
(ký và ghi rõ họ tên)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 01-THAHS:

(1) nếu người được hoãn chấp hành án phạt tù tự nguyện chấp hành án phạt tù thì ghi “ĐƠN XIN CHẤP HÀNH ÁN PHẠT TÙ”.

(2) và (7) ghi tên Tòa án đã ra quyết định thi hành án phạt tù.

(3) ghi đầy đủ họ tên, năm sinh, nơi cư trú của người bị kết án phạt tù. Trường hợp người bị kết án phạt tù không thể tự viết đơn được thì người thân thích của họ đề nghị thay thì phải ghi rõ họ tên của người đề nghị thay và mối quan hệ với người bị kết án phạt tù.

(4) ghi tên Tòa án đã ra bản án/quyết định có hiệu lực thi hành.

(5) ghi số, ngày, tháng, năm của bản án (quyết định) hình sự đã có hiệu lực pháp luật (ví dụ: Bản án số: 01/2021/HS-PT ngày 01 tháng 01 năm 2021).

(6) ghi rõ mức hình phạt tù bằng số và bằng chữ.

(8) ghi rõ số, ký hiệu, ngày, tháng, năm của quyết định thi hành án phạt tù. Nếu người được hoãn chấp hành án phạt tù tự nguyện xin chấp hành án phạt tù thì ghi thêm số, ngày, tháng, năm của quyết định hoãn chấp hành án phạt tù.

(9) trường hợp người bị kết án phạt tù không thể tự viết đơn được thì người thân thích của người bị kết án đề nghị thay ghi rõ họ tên của người đề nghị thay.

TÒA ÁN ... ⁽¹⁾

Số: .../... ⁽²⁾/THAHS-QĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH
HOÃN CHẤP HÀNH ÁN PHẠT TÙ

CHÁNH ÁN TÒA ÁN ... ⁽³⁾

Căn cứ ⁽⁴⁾

Xét thấy..... ⁽⁵⁾

QUYẾT ĐỊNH:

1. Hoãn chấp hành án phạt tù đối với người chấp hành án phạt tù: ⁽⁶⁾

Nơi cư trú: ⁽⁷⁾

Bị Tòa án ⁽⁷⁾

Xử phạt... ⁽⁸⁾ theo điểm (các điểm) ... khoản (các khoản) ... Điều (các điều) ... của Bộ luật Hình sự.

Theo Quyết định thi hành án phạt tù ⁽⁹⁾

2. Thời hạn hoãn chấp hành án phạt tù là ... ⁽¹⁰⁾, kể từ ngày ban hành quyết định này.

3. Giao cho ... ⁽¹¹⁾ quản lý người được hoãn chấp hành án phạt tù.

4. Quyết định này được thi hành kể từ ngày ban hành và có thể bị kháng nghị.

5. ⁽¹²⁾

Nơi nhận:

- ... ⁽¹³⁾
- Lưu hồ sơ THA.

..... ⁽¹⁴⁾

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 02-THAHS:

(1) và (3) ghi tên Tòa án đã ra quyết định thi hành án phạt tù; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh H); nếu là Tòa án quân sự khu vực cần ghi thêm quân khu nào (ví dụ: Tòa án quân sự khu vực 1, quân khu 4).

(2) ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 01/2021/THAHS-QĐ).

(4) ghi căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(5) ghi nhận định của Tòa án.

(6) ghi họ tên, năm sinh của người được hoãn chấp hành án phạt tù. Nếu người được hoãn chấp hành án phạt tù là người dưới 18 tuổi thì ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh.

(7) ghi tên Tòa án đã ra bản án/quyết định có hiệu lực thi hành.

(8) ghi rõ mức hình phạt tù bằng số và chữ.

(9) ghi số, ký hiệu, ngày, tháng, năm của quyết định thi hành án phạt tù.

(10) ghi rõ thời hạn theo quy định tại điểm b, c, d khoản 1 Điều 67 của Bộ luật Hình sự; trường hợp hoãn theo điểm a khoản 1 Điều 67 của Bộ luật Hình sự thì ghi rõ thời hạn hoãn;

(11) ghi tên của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc đơn vị quân đội được giao quản lý.

(12) ghi nội dung tương ứng quy định tại điểm i khoản 4 Điều 7 của Thông tư liên tịch này theo các trường hợp được hoãn cụ thể.

(13) ghi theo quy định tại khoản 3 Điều 24 của Luật Thi hành án hình sự.

(14) nếu là Chánh án thì ghi “**CHÁNH ÁN**”; nếu là Phó Chánh án được Chánh án ủy quyền thì ghi “**KT. CHÁNH ÁN**

PHÓ CHÁNH ÁN”.

TÒA ÁN ... ⁽¹⁾

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../... ⁽²⁾/THAHS-QĐ

....., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH
HỦY QUYẾT ĐỊNH HOÃN CHẤP HÀNH ÁN PHẠT TÙ

CHÁNH ÁN TÒA ÁN ... ⁽³⁾

Căn cứ vào Điều 67 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ vào Điều 24, Điều 25 của Luật Thi hành án hình sự;

Xét thấy, trong thời gian được hoãn chấp hành án phạt tù, ⁽⁴⁾

QUYẾT ĐỊNH:

1. Hủy Quyết định hoãn chấp hành án phạt tù số .../.../THAHS-QĐ ngày ... tháng ... năm ... của Tòa án ... ⁽⁵⁾

Đối với người chấp hành án phạt tù.... ⁽⁶⁾

2. Quyết định thi hành án hình phạt tù ... ⁽⁷⁾ của Tòa án..... ⁽⁸⁾

Đối với người chấp hành án phạt tù..... ⁽⁹⁾;

Được tổ chức thi hành theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

3. Giao ... ⁽¹⁰⁾ tổ chức thi hành quyết định này và quyết định thi hành án hình phạt tù ... ⁽¹¹⁾ của Tòa án ⁽¹²⁾

4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- ... ⁽¹³⁾;
- Lưu hồ sơ THA.

..... ⁽¹⁴⁾
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 03-THAHS:

(1), (3), (5), (8) và (12) ghi tên Toà án đã ra quyết định hoãn chấp hành án phạt tù; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H); nếu là Tòa án quân sự khu vực cần ghi thêm quân khu nào (ví dụ: Tòa án quân sự khu vực 1, quân khu 4).

(2) ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2021/THAHS-QĐ).

(4) ghi nhận định về lý do hủy quyết định hoãn chấp hành án phạt tù.

(6) và (9) ghi họ tên, năm sinh (nếu là người dưới 18 tuổi thì ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh), nơi cư trú của người chấp hành án phạt tù.

(7) và (11) ghi số, ký hiệu, ngày, tháng, năm của quyết định thi hành án phạt tù.

(10) ghi rõ tên cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện hoặc cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu.

(13) ghi theo quy định tại khoản 3 Điều 24 của Luật Thi hành án hình sự.

(14) nếu là Chánh án thì ghi “**CHÁNH ÁN**”; nếu là Phó Chánh án được Chánh án ủy quyền thì ghi “**KT. CHÁNH ÁN**
PHÓ CHÁNH ÁN”.

TÒA ÁN ...⁽¹⁾

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...⁽²⁾/THAHS-QĐ

....., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH
HỦY QUYẾT ĐỊNH HOÃN CHẤP HÀNH ÁN PHẠT TÙ
VÀ ÁP DỤNG BIỆN PHÁP BẮT BUỘC CHỮA BỆNH

CHÁNH ÁN TÒA ÁN ...⁽³⁾

Căn cứ vào Điều 49 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ vào Điều 447 và 452 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Căn cứ vào Điều 25 của Luật Thi hành án hình sự.

Căn cứ⁽⁴⁾

Xét thấy⁽⁵⁾

QUYẾT ĐỊNH:

1. Hủy Quyết định hoãn chấp hành án phạt tù số .../.../THAHS-QĐ ngày ... tháng ... năm... của Tòa án⁽⁶⁾

Đối với người chấp hành án phạt tù⁽⁷⁾

2. Áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh đối với người chấp hành án phạt tù⁽⁸⁾ tại⁽⁹⁾

3. Giao ...⁽¹⁰⁾ tổ chức thi hành quyết định này.

4. Quyết định này được thi hành kể từ ngày ban hành cho đến khi có quyết định khác thay thế hoặc hủy bỏ và có thể bị khiếu nại, kháng nghị.

Nơi nhận:

- ...⁽¹¹⁾;
- Lưu hồ sơ THA.

.....⁽¹²⁾
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 04-THAHS:

(1), (3) và (6) ghi tên Tòa án đã ra quyết định hoãn chấp hành án phạt tù; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh H); nếu là Tòa án quân sự khu vực cần ghi thêm quân khu nào (ví dụ: Tòa án quân sự khu vực 1, quân khu 4).

(2) ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 03/2021/QĐ-CA).

(4) ghi rõ số, ký hiệu, ngày, tháng, năm của kết luận giám định pháp y tâm thần.

(5) ghi nhận định của Tòa án về việc hủy quyết định hoãn chấp hành án phạt tù và áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh.

(7) và (8) ghi rõ họ tên và ngày, tháng, năm sinh (nếu là người dưới 18 tuổi thì ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh), nơi cư trú của người chấp hành án phạt tù.

(9) ghi rõ tên cơ sở bắt buộc chữa bệnh Tòa án chỉ định.

(10) ghi rõ cơ quan thi hành án hình sự, cơ sở bắt buộc chữa bệnh Tòa án chỉ định.

(11) ghi theo quy định tại khoản 3 Điều 24 của Luật Thi hành án hình sự.

(12) nếu là Chánh án thì ghi "**CHÁNH ÁN**"; nếu là Phó Chánh án được Chánh án ủy quyền thì ghi "**KT. CHÁNH ÁN**
PHÓ CHÁNH ÁN".

TÒA ÁN ...⁽¹⁾
Số: ... / ...⁽²⁾/THAHS-QĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH
MỞ PHIÊN HỌP XEM XÉT MIỄN CHẤP HÀNH ÁN PHẠT TÙ
TÒA ÁN ...⁽³⁾

Căn cứ Điều 62 của Bộ luật Hình sự;
Căn cứ Điều 21, Điều 39 của Luật Thi hành án hình sự;
Sau khi nghiên cứu hồ sơ đề nghị miễn chấp hành án phạt tù của Viện kiểm sát
...⁽⁴⁾ đối với người chấp hành án phạt tù ...⁽⁵⁾.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Mở phiên họp xem xét miễn chấp hành án phạt tù đối với người chấp hành án phạt tù ...⁽⁶⁾

Bị Tòa án ...⁽⁷⁾

Xử phạt ... về tội (các tội)⁽⁸⁾

Theo điểm (các điểm) ... khoản (các khoản) ... Điều (các điều) ... của Bộ luật Hình sự.

Quyết định⁽⁹⁾

Thời gian mở phiên họp:

Địa điểm mở phiên họp:

Điều 2. Những người tiến hành tổ tụng xem xét miễn chấp hành án phạt tù:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông (Bà)

Các Thẩm phán⁽¹⁰⁾: Ông (Bà):

Ông (Bà):

Thư ký phiên họp: Ông (Bà)⁽¹¹⁾

Đại diện Viện kiểm sát ...⁽¹²⁾ tham gia phiên họp: Ông (Bà): ... - Kiểm sát viên

Điều 3. Những người tham gia phiên họp xem xét miễn chấp hành án phạt tù (nếu có):⁽¹³⁾

Nơi nhận:

- ...⁽¹⁴⁾;
- Lưu: Hồ sơ THAHS.

THẨM PHÁN

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 05-THAHS:

(1) và (3) ghi tên Toà án ra quyết định (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: 03/2021/THAHS-QĐ).

(4) ghi tên Viện kiểm sát đề nghị miễn chấp hành án phạt tù.

(5) ghi họ tên của người chấp hành án phạt tù. Nếu nhiều người thì ghi như sau: “Sau khi nghiên cứu hồ sơ đề nghị miễn chấp hành án phạt tù của Viện kiểm sát ... đối với ... người chấp hành án phạt tù (có danh sách kèm theo)”.

(6) ghi họ tên, năm sinh (nếu là người dưới 18 tuổi thì ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh), nơi cư trú của người chấp hành án phạt tù; trường hợp có nhiều người chấp hành án phạt tù được đề nghị miễn chấp hành án phạt tù thì ghi: “Mở phiên họp xem xét miễn chấp hành án phạt tù đối với ... người chấp hành án phạt tù (có danh sách kèm theo)”.

(7) ghi Tòa án đã ra bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

(8) ghi tội danh, hình phạt cụ thể mà bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án đã tuyên.

Trường hợp có nhiều người chấp hành án phạt tù được đề nghị miễn chấp hành án phạt tù thì mục (7), (8) được thể hiện rõ trong danh sách kèm theo.

(9) ghi số, ký hiệu, ngày, tháng, năm của quyết định thi hành án phạt tù. Trường hợp người được miễn chấp hành án phạt tù là người đang được hoãn chấp hành án phạt tù hoặc tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù thì phải ghi rõ số, ký hiệu, ngày, tháng, năm của quyết định hoãn chấp hành án phạt tù hoặc tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù.

(10), (11) và (12) ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán. Nếu là Tòa án quân sự thì không ghi “Ông (Bà)” mà ghi cấp bậc quân hàm. Họ tên của Thư ký phiên họp và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào. Họ tên của Kiểm sát viên tham gia phiên họp.

(13) ghi rõ họ tên, nơi cư trú của người chấp hành án phạt tù hoặc đại diện của họ; tên cơ quan, tổ chức, người đại diện tham gia phiên họp.

(14) ghi những nơi cần gửi.

TÒA ÁN...⁽¹⁾

Số: ... / ...⁽²⁾/THAHS-QĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH
VỀ VIỆC XÉT MIỄN CHẤP HÀNH ÁN PHẠT TÙ

TÒA ÁN ...⁽³⁾

- Thành phần Hội đồng phiên họp xét miễn chấp hành án phạt tù gồm có:⁽⁴⁾
Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông (Bà)
Các Thẩm phán: Ông (Bà)
Ông (Bà)
- Thư ký phiên họp: Ông (Bà)⁽⁵⁾
- Đại diện Viện Kiểm sát⁽⁶⁾ tham gia phiên họp:
Ông (Bà) - Kiểm sát viên.

NHẬN THẤY:

- Người chấp hành án phạt tù⁽⁷⁾ đang⁽⁸⁾
- Bị Tòa án⁽⁹⁾
- Xử phạt ... về tội (các tội)⁽¹⁰⁾
- Theo điểm (các điểm) ... khoản (các khoản) ... Điều (các điều) ... của Bộ luật Hình sự.
- Quyết định thi hành án phạt tù⁽¹¹⁾

XÉT THẤY:

- Sau khi nghiên cứu hồ sơ đề nghị xét miễn chấp hành án phạt tù đối với người chấp hành án phạt tù và khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến,
Việc đề nghị miễn chấp hành án phạt tù⁽¹²⁾

Căn cứ vào Điều 62 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ vào Điều 21, Điều 39 của Luật Thi hành án hình sự,

QUYẾT ĐỊNH:

1. ...⁽¹³⁾ đề nghị của Viện kiểm sát ...⁽¹⁴⁾ về việc miễn chấp hành án phạt tù đối với người chấp hành án phạt tù.

2. Miễn chấp hành án phạt tù/Không miễn chấp hành án phạt tù cho người chấp hành án phạt tù⁽¹⁵⁾

3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng nghị.

Nơi nhận:

- ...⁽¹⁶⁾
- Lưu hồ sơ THA.

TM. HỘI ĐỒNG PHIÊN HỌP
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 06-THAHS:

(1) và (3) ghi tên Tòa án ra quyết định (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: 04/2021/THAHS-QĐ).

(4), (5) và (6) ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán. Nếu là Tòa án quân sự thì không ghi “Ông (Bà)” mà ghi cấp bậc quân hàm; Thư ký phiên họp và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm; Kiểm sát viên Viện kiểm sát tham gia phiên họp.

(7) ghi họ tên của người chấp hành án.

(8) ghi nơi cư trú của người chấp hành án.

(9) ghi tên Tòa án có bản án/quyết định có hiệu lực pháp luật.

(10) ghi mức hình phạt và tội danh theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

(11) ghi số, ký hiệu, ngày, tháng, năm, Tòa án ban hành của quyết định thi hành án phạt tù; quyết định hoãn chấp hành án phạt tù hoặc quyết định tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù.

(12) ghi nhận định của Hội đồng phiên họp, những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận đề nghị; căn cứ pháp luật để giải quyết vụ việc.

(13) Nếu chấp nhận toàn bộ đề nghị của Viện kiểm sát thì ghi “Chấp nhận đề nghị của...”; ghi chấp nhận một phần thì ghi “Chấp nhận một phần”; nếu không chấp nhận thì ghi “Không chấp nhận”.

(14) ghi rõ tên Viện kiểm sát đề nghị.

(15) ghi họ tên, năm sinh (nếu là người dưới 18 tuổi thì ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh), nơi cư trú của người chấp hành án phạt tù.

(16) người chấp hành án phạt tù, Viện kiểm sát đề nghị, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp, cơ quan thi hành án hình sự cùng cấp, Tòa án đã ra quyết định thi hành án phạt tù, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được miễn chấp hành án phạt tù cư trú, đơn vị quân đội được giao quản lý người đó, Sở Tư pháp nơi Tòa án đã ra quyết định có trụ sở, Bộ Ngoại giao trong trường hợp người được miễn chấp hành án phạt tù là người nước ngoài.